

TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 26 – 02 – 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay”

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm Nh dân:

- Ông Nguyễn Trường Hận
- Ông Lê Thanh Hiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thúy Vân, là Thư ký Tòa án Nh dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 925/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 541/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Kim M, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M.T, xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Thị M1 (vắng mặt).

Ông Phạm Văn Nh (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M.T, xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Kim M trình bày: Ngày 17/5/2022 âm lịch, bà có cho bà Lê Thị M1 và ông Phạm Văn Nh vay 10 chỉ vàng 24K, lãi suất thỏa thuận 200.000đ/tháng/01 chỉ; ngày 09/6/2022 âm lịch, bà cho bà M1 và ông Nh vay 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Khi vay tiền, bà M1 có viết biên nhận nợ cho bà. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M1 và ông Nh có trả cho bà khoảng 2, 3 tháng lãi thì ngưng đến nay.

Từ nội dung trên, bà yêu cầu bà Lê Thị M1 và ông Phạm Văn Nh có nghĩa vụ trả cho bà 10 chỉ vàng 24K; 50.000.000đ nợ gốc và lãi suất 20%/năm tính từ tháng 01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Thời gian trả nợ, bà yêu cầu bà M1 và ông Nh trả cho bà 01 lần.

Tại phiên tòa, bà M yêu cầu bà M1 và ông Nh trả lại cho bà 10 chỉ vàng 24K và 50.000.000đ, không đặt ra yêu cầu lãi suất.

* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng bà Lê Thị M1 và ông Phạm Văn Nh đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng bà Lê Thị M1 và ông Phạm Văn Nh đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M1 và ông Nh theo quy định. Về loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ biên nhận ngày 17/5/2022 và 09/6/2022 giữa bà Phan Kim M với bà Lê Thị M1, thể hiện: Bà Lê Thị M1 có vay của bà Phan Kim M 10 chỉ vàng 24K và số tiền 50.000.000đ đến nay vẫn chưa thanh toán. Nay đã phát sinh tranh chấp nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Tuy khoản nợ này do bà Lê Thị M1 trực tiếp vay nhưng trên thực tế bà M1 và ông Nh là vợ chồng, hôn Nh đang tồn tại, khoản tiền vay sử dụng cho mục đích làm ăn, sinh hoạt chung của gia đình; quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông Nh và bà M1 không có ý kiến phản đối nên buộc ông Nh và bà M1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà M 10 chỉ vàng 24K và số tiền 50.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ. Việc ông Nh và bà M1 không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì ông, bà phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[4] Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận chưa phù hợp nhưng không có căn cứ xác định số tiền lãi đã nhận là bao nhiêu, đồng thời tại phiên tòa, bà M không đặt ra yêu cầu nên không có cơ sở để xem xét hoặc điều chỉnh là phù hợp.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ: Bà M yêu cầu ông Nh và bà M1 thanh toán nợ cho bà dứt điểm một lần. Xét thấy, thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án, không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà M nên buộc bà M1 và ông Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bà M không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn Nh và gia đình;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim M – buộc bà Lê Thị M1 và ông Phạm Văn Nh có nghĩa vụ thanh toán cho bà M 10 chỉ vàng 24K và số tiền 50.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê Thị M1 và ông Phạm Văn Nh phải chịu 5.595.000đ (*chưa nộp*). Bà Phan Kim M không phải chịu án phí, ngày 13 tháng 11 năm 2023, bà M đã nộp tạm ứng án phí 2.944.000đ theo biên lai số 4085 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Phan Kim M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị M1 và ông Phạm Văn Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải

